

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2013

Số: 42 /2013/CV-SII

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC công ty mẹ năm 2012

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (“Saigon Water”) xin giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012 như sau:

1. Chênh lệch số liệu trên bảng cân đối kế toán:

| Chỉ tiêu | Mã số | Số liệu trước kiểm toán | Số liệu sau kiểm toán | Chênh lệch | Nguyên nhân |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|---------------|---|
| TÀI SẢN | | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 179.249.573.623 | 179.254.576.490 | 5.002.867 | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 27.623.089.953 | 27.619.810.380 | (3.279.573) | |
| 1. Tiền | 111 | 27.623.089.953 | 27.619.810.380 | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh số dư cuối kỳ của tài khoản tiền gửi có gốc ngoại tệ sang chi phí tài chính do hạch toán thiếu |
| III. Các khoản phải thu | 130 | 82.181.414.961 | 81.689.697.401 | (491.717.560) | |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 71.199.914.138 | 70.708.196.578 | (491.717.560) | Giảm do phân loại lại qua chi tiêu ở mã số 158 và từ chi tiêu ở mã số 323 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 2.385.640.070 | 2.885.640.070 | 500.000.000 | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 339.285.786 | 839.285.786 | 500.000.000 | Tăng do phân loại lại từ chi tiêu ở mã số 135 |
| NGUỒN VỐN | | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 304.248.353.200 | 304.256.635.640 | 8.282.440 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 304.248.353.200 | 304.256.635.640 | 8.282.440 | |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | (8.282.440) | - | 8.282.440 | Tăng do phân loại qua chi tiêu ở mã số 135 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 483.382.193.052 | 483.378.913.479 | (3.279.573) | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 483.382.193.052 | 483.378.913.479 | (3.279.573) | |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 83.382.193.052 | 83.378.913.479 | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh tăng chi phí tài chính do hạch toán thiếu |



2. Chênh lệch số liệu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012:

| CHỈ TIÊU | Mã số | Số liệu trước kiểm toán | Số liệu sau kiểm toán | Chênh lệch | Nguyên nhân |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|-------------|---|
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 62.527.954.888 | 62.531.234.461 | 3.279.573 | Tăng do điều chỉnh số dư cuối kỳ của tài khoản tiền gửi có gốc ngoại tệ sang chi phí tài chính do hạch toán thiếu |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 36.593.202.571 | 36.589.922.998 | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh tăng chi phí ở mã số 22 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 36.593.202.571 | 36.589.922.998 | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh tăng chi phí ở mã số 22 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 36.593.202.571 | 36.589.922.998 | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh tăng chi phí ở mã số 22 |

3. Chênh lệch số liệu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012:

| CHỈ TIÊU | Mã số | Số liệu trước kiểm toán | Số liệu sau kiểm toán | Chênh lệch | Nguyên nhân |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|-------------|--|
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (110.114.230.708) | (110.117.510.281) | (3.279.573) | Điều chỉnh do hạch toán thiếu |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | | 91.433.254.279 | 91.429.974.706 | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh chỉ tiêu ở mã số 02 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 60 | (7.795.590.023) | (7.798.869.596) | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh chỉ tiêu ở mã số 02 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 80 | 27.623.089.953 | 27.619.810.380 | (3.279.573) | Giảm do điều chỉnh chỉ tiêu ở mã số 02 |

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Khắc Hoàng
Trương Khắc Hoàng

